

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
Số phiếu: NT.2618/16.12.2025_KQ

1. Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ
2. Địa chỉ : Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1), phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng
3. Địa điểm quan trắc : Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1), phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng
4. Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
5. Ngày lấy mẫu : 28/11/2025
6. Thời gian phân tích : 28/11/2025 đến ngày 16/12/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (NT)	QCVN 40: 2011/BTNMT (cột B-C _{max})
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	27	40
2.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,9	5,5÷9
3.	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185:2015	32	150
4.	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	17	65
5.	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	35	195
6.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	12	130
7.	Tổng N	mg/L	TCVN 6638:2000	8,1	52
8.	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	2,61	13
9.	Tổng P	mg/L	TCVN 6202:2008	3,44	7,8
10.	Tổng phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	<0,001	0,65
11.	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2023	<0,002	0,13
12.	Sunfua (S ₂ ⁻)	mg/L	TCVN 6637:2000	0,11	0,65
13.	Cr(VI)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,003	0,13
14.	Cu	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,03	2,6
15.	Ni	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,002	0,65
16.	Zn	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,02	3,9
17.	Mn	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,004	1,3
18.	As	mg/L	SMEWW 3114B:2023	<0,001	0,13
19.	Cd	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,0001	0,13
20.	Pb	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,001	0,65
21.	Hg	mg/L	SMEWW 3112B:2023	<0,00015	0,013
22.	Fe	mg/L	TCVN 6177:1996	0,23	6,5
23.	Florua	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	0,90	13
24.	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,9	2,6
25.	Cr ³⁺	mg/L	SMEWW 3113B:2023+ SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,003	1,3
26.	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(*)	Bq/L	TCVN 8879:2011	KPH (MDL=0,006)	0,1
27.	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^(*)	Bq/L	TCVN 8879:2011	KPH (MDL=0,06)	1,0

- " ": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

28.	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ			-	0,13		
	Alpha-BHC			<0,0033	-		
	Gamma-BHC			<0,0033	-		
	Beta-BHC			<0,0033	-		
	Delta-BHC			<0,0033	-		
	Heptachlor			<0,0033	-		
	Trichloronate			<0,0033	-		
	Heptachlor epoxide			<0,0033	-		
	Endosulfan I	µg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	<0,0033	-		
	4,4'-DDE			<0,0033	-		
	Dieldrin			<0,0033	-		
	Endrin			<0,0033	-		
	Aldrin			<0,0033	-		
	4,4'-DDD			<0,0033	-		
	Endosulfan II			<0,0033	-		
	Endrin aldehyde			<0,0033	-		
4,4'-DDT	<0,0033			-			
Endosulfan sunfate	<0,0033			-			
Methoxychlor	<0,0033			-			
29.	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ					-	1,3
	Dichlorvos			µg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	<0,0085	-
	Mevinphos					<0,0085	-
	Ethoprophos					<0,0085	-
	Phorate					<0,0085	-
	Demeton	<0,0085	-				
	Diazinon	<0,0085	-				
	Disulfoton	<0,0085	-				
	Fenchlorphos	<0,0085	-				
	Malathion	<0,0085	-				
	Chlorpyrifos	<0,0085	-				

- " - ": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

	<i>Fenthion</i>			<0,0085	-
	<i>Parathion</i>			<0,0085	-
	<i>Tetrachloviphos</i>			<0,0085	-
	<i>Prothiophos</i>			<0,0085	-
	<i>Fensulfothion</i>			<0,0085	-
	<i>Sulprofos</i>			<0,0085	-
	<i>Azinphos-methyl</i>			<0,0085	-
	<i>Coumaphos</i>			<0,0085	-
30.	Các hợp chất polyclobiphenyl (PCBs)			-	0,013
	<i>PCB 18</i>			<0,0017	-
	<i>PCB 31</i>			<0,0017	-
	<i>PCB 28</i>			<0,0017	-
	<i>PCB 52</i>			<0,0017	-
	<i>PCB 44</i>			<0,0017	-
	<i>PCB 95</i>			<0,0017	-
	<i>PCB 101</i>			<0,0017	-
	<i>PCB 99</i>			<0,0017	-
	<i>PCB 110</i>			<0,0017	-
	<i>PCB 81</i>			<0,0017	-
	<i>PCB 151</i>			<0,0017	-
	<i>PCB 77</i>			<0,0017	-
	<i>PCB 149</i>			<0,0017	-
	<i>PCB 123</i>			<0,0017	-
	<i>PCB 118</i>			<0,0017	-
	<i>PCB 146</i>			<0,0017	-
	<i>PCB 114</i>			<0,0017	-
	<i>PCB 153</i>			<0,0017	-
	<i>PCB 105</i>			<0,0017	-
<i>PCB 138</i>			<0,0017	-	
<i>PCB 187</i>			<0,0017	-	
<i>PCB 183</i>			<0,0017	-	
<i>PCB 126</i>			<0,0017	-	

-“-“: Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

	PCB 128			<0,0017	-
	PCB 167			<0,0017	-
	PCB 177			<0,0017	-
	PCB 156			<0,0017	-
	PCB 157			<0,0017	-
	PCB 180			<0,0017	-
	PCB 170			<0,0017	-
	PCB 169			<0,0017	-
	PCB 189			<0,0017	-
31.	Dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,5	13
32.	Coliform	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	2.500	5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

NT: Nước thải tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải công suất 2.500 m³/ngày đêm (khu phía Bắc) tại bể chứa nước thải sau xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Tọa độ: X(m) = 2302577; Y(m) = 610041. Mã hoá: 7.281125

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Cột B quy định giá trị C (mg/L) của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Giá trị $C_{max} = C \times K_q \times K_f$ với $K_f = 1$, $K_q = 1,3$.

- Thông tin khác:

+ (*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ: Công ty Cổ phần kỹ thuật Điện và Môi trường Asia Green – Phòng phân tích chất lượng (VIMCERTS 174 - VILAS 1504).

+ KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử.

Hải Phòng, ngày 16 tháng 12 năm 2025

HAI VIET



GIÁM ĐỐC
Không Minh Thanh

- "-": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty